1. Đặc tả usecase Quản trị viên
   1. Usecase quản lý khách hàng

### 1.1.1 Usecase thêm khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên thêm một khách hàng mới vào hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Khách hàng mới được thêm vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Customers” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Thêm khách hàng “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form nhập liệu thông tin khách hàng mới |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin khách hàng mới |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Thêm” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Thêm khách hàng thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

### 1.1.2. Usecase tìm kiếm khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên tìm kiếm khách hàng trong hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Khách hàng cần tìm được hiển thị |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Users” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng hàng |
| 3. Quản trị viên nhập thông tin tìm kiếm vào thanh tìm kiếm |  |
|  | 4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập |
|  | 5. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng cần tìm |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1. Hệ thống thông báo “Không tìm thấy kết quả” và quay lại bước 2 |

### 1.1.3 Usecase khóa tài khoản ( của khách hàng )

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên khóa tài khoản khách hàng |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Tài khoản của khách hàng bị khóa |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Customers” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “khóa tài khoản “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận có muốn khóa không ? ” |
| 5. Quản trị viên chọn vào “Xác nhận” |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị “khóa tài khoản thành công” |

### 1.1.4 Usecase cập nhật thông tin khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên thêm một khách hàng mới vào hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Khách hàng được cập nhật thông tin vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Customers” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Cập nhật thông tin khách hàng “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form cập nhật thông tin khách hàng |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin khách hàng cần cập nhật |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Cập nhật” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Cập nhật thông tin khách hàng thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

# 1.2. Use case quản lý thương hiệu

### 1.2.1.Usecase thêm thương hiệu

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên thêm một thương hiệu mới vào hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Thương hiệu mới được thêm vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Brand” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thương hiệu |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Thêm thương hiệu“ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form nhập liệu thông tin thương hiêu |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin thương hiệu |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Thêm” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Thêm thương hiệu thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

### 1.2.2. Usecase tìm kiếm thương hiệu

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên tìm kiếm thương hiệu trong hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Thương hiệu cần tìm được hiển thị |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Brands” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thương hiệu |
| 3. Quản trị viên nhập thông tin tìm kiếm vào thanh tìm kiếm |  |
|  | 4. Hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm |
|  | 5. Hệ thống hiển thị thông tin thương hiệu cần tìm |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1. Hệ thống thông báo “Không tìm thấy kết quả” và quay lại bước 2 |

### 1.2.3 Use case xóa thương hiệu

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên xóa thương hiệu ra khỏi hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Thương hiệu bị xóa khỏi hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Customers” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “khóa tài khoản “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận có muốn khóa không ? ” |
| 5. Quản trị viên chọn vào “Xác nhận” |  |
|  |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị “khóa tài khoản thành công” |

### 1.2.4. Usecase cập nhật thương hiệu

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên cập nhật thông tin thương hiệu |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Thương hiệu được cập nhật thông tin vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Brand” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thương hiệu |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Cập nhật thông tin thương hiệu “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form cập nhật thông tin thương hiệu |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin thương hiệu cần cập nhật |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Cập nhật” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Cập nhật thông tin thương hiệu thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

# 1.3.Usecase quản lý loại sản phẩm

### 1.3.1.Usecase thêm loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên thêm loại sản phẩm mới mới vào hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Loại sản phẩm mới được thêm vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Category” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý loại sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “loại sản phẩm“ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form nhập liệu thông tin loại sản phẩm |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin loại sản phẩm |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Thêm” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Thêm loại sản phẩm thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

### 1.3.2.Usecase tìm kiếm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên tìm kiếm loại sản phẩm trong hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Loại sản phẩm cần tìm được hiển thị |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Categories” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý loại sản phẩm |
| 3. Quản trị viên nhập thông tin tìm kiếm vào thanh tìm kiếm |  |
|  | 4. Hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm |
|  | 5. Hệ thống hiển thị thông tin loại sản phẩm |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1. Hệ thống thông báo “Không tìm thấy kết quả” và quay lại bước 2 |

### 1.3.3. Usecase xóa loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên xóa loại sản phẩm ra khỏi hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Loại sản phẩm bị xóa khỏi hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Category” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao quản lý loại sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “xóa loại sản phẩm “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận có muốn xóa không ? ” |
| 5. Quản trị viên chọn vào “Xác nhận” |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị kiểm tra |
|  | 7. Hệ thống báo “Xóa thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 6.1. Hệ thống thông báo số lượng sản phẩm vẫn còn |
| 6.2. Quản trị viên xác nhận |  |

### 1.3.4. Usecase cập nhật loại sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên cập nhật loại thông tin loại sản phẩm |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Loại sản phẩm được cập nhật thông tin vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Category” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao quản lý loại sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Cập nhật thông tin loại sản phẩm “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form cập nhật thông tin loại sản phẩm |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin loại sản phẩm cần cập nhật |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Cập nhật” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Cập nhật thông tin loại sản phẩm thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

# 1.4. Usecase quản lý sản phẩm

### 1.4.1 Usecase thêm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên thêm sản phẩm mới mới vào hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Sản phẩm mới được thêm vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Products” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao quản lý sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “loại sản phẩm“ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form nhập liệu thông tin loại sản phẩm |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin loại sản phẩm |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Thêm” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Thêm loại sản phẩm thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

### 1.4.2. Usecase tìm kiếm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên tìm kiếm sản phẩm trong hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Sản phẩm cần tìm được hiển thị |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Products” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm |
| 3. Quản trị viên nhập thông tin tìm kiếm vào thanh tìm kiếm |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị sản phẩm cần tìm |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1. Hệ thống thông báo “Không tìm thấy kết quả” và quay lại bước 2 |

### 1.4.3. Usecase xóa sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên xóa sản phẩm ra khỏi hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Sản phẩm bị xóa khỏi hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Products” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “xóa sản phẩm “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận có muốn xóa không ? ” |
| 5. Quản trị viên chọn vào “Xác nhận” |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị kiểm tra |
|  | 7. Hệ thống báo “Xóa thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 6.1. Hệ thống thông báo số lượng sản phẩm vẫn còn |
| 6.2. Quản trị viên xác nhận |  |

### 1.4.4. Usecase cập nhật thông tin sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên cập nhật loại thông tin sản phẩm |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Sản phẩm được cập nhật thông tin vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Products” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm |
| 3. Quản trị viên chọn vào nút “Cập nhật thông tin sản phẩm “ |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị form cập nhật thông tin sản phẩm |
| 5. Quản trị viên nhập thông tin loại sản phẩm cần cập nhật |  |
| 6. Quản trị viên bấm vào nút “Cập nhật” |  |
|  | 7. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 8. Hệ thống hiển thị thông tin “Cập nhật thông tin sản phẩm thành công” |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 7.1. Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
| 7.2. Quản trị viên xác nhận |  |
| 7.3. Quay lại bước 5 |  |

# 1.5. Usecase quản lý đơn hàng

### 1.5.1.Usecase tìm kiếm đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả: | Quản trị viên tìm kiếm đơn hàng trong hệ thống |
| Tác nhân: | Quản trị viên |
| Điều kiện trước: | Quản trị viên đã có tài khoản và truy cập vào ứng dụng |
| Điều kiện sau: | Đơn hàng cần tìm được hiển thị |
| **Luồng sự kiện chính (Basic flows)** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1. Quản trị viên chọn vào “Orders” trên thanh menu |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng |
| 3. Quản trị viên nhập thông tin tìm kiếm vào thanh tìm kiếm |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị đơn hàng cần tim kiếm |
| **Luồng sự kiện thay thế (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1. Hệ thống không hiển thị thông tin đơn hàng khi không tìm thấy và quay lại bước 2 |